

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: 302/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiền Giang, ngày 10 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí thực hiện dự án Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Công văn số 3530/UBND-KTN ngày 28/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành Công Thương tỉnh Tiền Giang;

Xét Báo cáo số 1591/SKH&ĐT-TH ngày 27/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2054/TTr-SCT ngày 04/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí thực hiện dự án Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Chủ đầu tư: Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang.

3. Nội dung, dự toán chi tiết kinh phí thực hiện dự án Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Đề cương.

4. Phạm vi thực hiện: trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

5. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp thực hiện, yêu cầu, kết quả, sản phẩm và khối lượng công việc thực hiện nhiệm vụ được duyệt theo Đề cương.

6. Dự toán kinh phí thực hiện:

- Tổng kinh phí thực hiện: 537.212.000 đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng).

- Nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn sự nghiệp kinh tế của ngân sách cấp tỉnh năm 2015 (nguồn kinh phí quy hoạch chưa phân bổ).

7. Tiến độ thực hiện: đến cuối tháng 10 năm 2016.

8. Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

(Các nội dung chi tiết theo Đề cương dự án)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm thực hiện lựa chọn nhà thầu, triển khai thực hiện dự án, thanh quyết toán vốn, kết thúc dự án đúng tiến độ và đúng theo các quy định hiện hành có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PCT Lê Văn Nghĩa;
- VPUB: PVP Nguyễn Hữu Đức;
- Lưu: VT, P.ĐTXD, P.KTN (Nhà).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nghĩa

UBND TỈNH TIỀN GIANG
SỞ CÔNG THƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH
VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN
NGÀNH CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG
ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

GIÁM ĐỐC ^{1/2}



Ngô Văn Tuấn

THÁNG 9 NĂM 2015

A. ĐỀ CƯƠNG, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

1. Tên dự án quy hoạch

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2. Sự cần thiết, tính cấp bách và ý nghĩa thực tiễn của việc điều chỉnh quy hoạch (lý do điều chỉnh quy hoạch)

Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch là việc làm thường xuyên, cần thiết và đề phù hợp với tình hình và yêu cầu mới. Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về công tác lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đã nêu: “Đối với những ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có quy hoạch được phê duyệt, cần rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình và yêu cầu mới”. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 được phê duyệt năm 2009, đã hơn 05 năm, nhưng đến nay đã có nhiều yêu cầu khách quan và chủ quan cần điều chỉnh, bổ sung:

Thứ nhất: Sự tác động ảnh hưởng của Vùng

Tiền Giang là tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và nằm trong Vùng công nghiệp VI, theo phân vùng công nghiệp của Bộ Công Thương. Tiền Giang cách Tp.HCM khoảng 70 km về phía Nam và cách thành phố Cần Thơ khoảng 90 km về phía Bắc. Bên cạnh đó, một số tỉnh trong vùng như Bình Dương, Đồng Nai, Long An... cũng đang phát triển rất nhanh; đặc biệt là phát triển về công nghiệp, đô thị, do đó đã có nhiều tác động đến sự phát triển của tỉnh Tiền Giang.

Thứ hai: Tác động từ phát triển kinh tế và xã hội của tỉnh

Thực tế Tiền Giang đã có nhiều thay đổi lớn về phát triển công nghiệp, đô thị và dịch vụ so với thời điểm xây dựng quy hoạch phát triển ngành công nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Từ đó đến nay, các khu công nghiệp và cụm công nghiệp đã phát triển mạnh; nhiều ngành dịch vụ phát triển nhanh; những thay đổi về hạ tầng giao thông và chất lượng môi trường... đã làm cho bộ mặt của Tiền Giang có những bước thay đổi rõ rệt.

Thứ ba: Ảnh hưởng từ các mục tiêu và định hướng phát triển KT-XH

Báo cáo Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Đề án Tái cơ cấu ngành Công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã và đang được xây dựng.

Thứ tư: Những cơ hội và thách thức mới trong đầu tư và phát triển

Trong bối cảnh đất nước đã gia nhập nhiều tổ chức quốc tế, đã ký kết nhiều Hiệp định kinh tế với các tổ chức và quốc gia cũng như đang trong giai đoạn cuối của quá trình đàm phán gia nhập hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Một số chính sách vĩ mô mới của Nhà nước có hiệu lực được triển khai thực hiện, khi đó có nhiều cơ hội và thách thức mới sẽ tác động mạnh tới quá trình phát triển kinh tế của đất nước, nhất là trong lĩnh vực phát triển công nghiệp.

Trước những yêu cầu khách quan và chủ quan đó, đòi hỏi phải có cách nhìn mới, với những nhiệm vụ mới, phù hợp với bối cảnh chung. Đồng thời để tiếp tục khai thác và phát huy tốt các tiềm năng hiện có để phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế của tỉnh, đưa sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang phát triển nhanh, mạnh và bền vững trong những năm tới, thì việc xây dựng dự án Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 là việc làm cần thiết.

3. Các căn cứ để lập Điều chỉnh Quy hoạch

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội;

- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội;

- Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 13/2/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 28/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 55/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển lĩnh vực công nghiệp;

- Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy

hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Kế hoạch hành động số 41/KH-UBND ngày 13/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về thực hiện Quyết định số 2270/QĐ-TTg ngày 21/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hướng dẫn số 310/SKH&ĐT-TH ngày 18/3/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Công văn số 3530/UBND-KTN ngày 28/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành Công Thương tỉnh Tiền Giang.

4. Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu

Báo cáo điều chỉnh quy hoạch được thực hiện trên cơ sở kế thừa Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5043/QĐ-UBND ngày 24/12/2009. Trong Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cơ bản tuân thủ theo phạm vi nghiên cứu của Quy hoạch đã phê duyệt trước đây.

- Phương pháp nghiên cứu

Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 có căn cứ khoa học, tuân thủ theo các phương pháp và nguyên tắc cơ bản sau đây:

+ *Phương pháp điều tra thu thập thông tin và xử lý số liệu.*

+ *Phương pháp phân tích thống kê, phân tích tổng hợp.*

+ *Phương pháp điều tra trực tiếp:* Cùng với việc điều tra các tài liệu, tổ chức các chuyến đi khảo sát tại địa phương và doanh nghiệp để nắm bắt và cập nhật tình hình, nhu cầu phát triển cũng như đúc kết các bài học trong việc phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ *Phương pháp chuyên gia:* Tham khảo ý kiến về quy hoạch phát triển công nghiệp nói chung từ một số chuyên gia trong lĩnh vực phát triển công nghiệp.

+ *Kế thừa và đúc kết từ xây dựng quy hoạch thực tế:* Xây dựng trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước đây, trong việc lập Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp, đồng thời sử dụng các kết quả nghiên cứu mới về chiến lược phát triển, quy hoạch phát triển của các Bộ ngành có liên quan, cũng như quy hoạch phát triển KT-XH, các ngành kinh tế của tỉnh và các địa phương trong tỉnh.

+ *Tình pháp lý trong hệ thống số liệu nghiên cứu:* Hệ thống số liệu sử dụng bao gồm số liệu công bố chính thức của Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang, các số liệu báo cáo các quy hoạch, kế hoạch của tỉnh đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt; số liệu công bố của Tổng cục Thống kê (TCTK), số liệu điều tra của TCTK cũng như của Cục Thống kê tỉnh và các địa phương liên quan.

- Thời kỳ điều chỉnh quy hoạch:

+ Đánh giá thực trạng phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2011-2015

+ Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

5. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 nhằm xác định những mục tiêu, định hướng, giải pháp phát triển có tầm vóc mới, phù hợp với những điều kiện và vị thế KT-XH của tỉnh Tiền Giang trong bối cảnh kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư, thị trường tiêu thụ sản phẩm của cả nước và vùng kinh tế của tỉnh Tiền Giang. Đặc biệt là trong bối cảnh tỉnh Tiền Giang đang nỗ lực để trở thành một trong những tỉnh phát triển trong vùng ĐBSCL, là một cực phát triển của Vùng KTTĐ phía Nam.

Trên cơ sở hiện trạng phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2011-2015, nghiên cứu xác định các mục tiêu, định hướng, phương án phát triển công nghiệp từ nay đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 phù hợp với tình hình thực tế hiện nay và định hướng phát triển chung của vùng và cả nước.

Hình thành một mạng lưới công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh, qua đó tạo cơ hội, để các ngành công nghiệp phát triển và các ngành kinh tế, dịch vụ khác cùng hỗ trợ phát triển.

Tạo điều kiện phân bố hợp lý hơn về sức sản xuất theo địa bàn. Hình thành những tác động tích cực đến phát triển nông nghiệp nông thôn, là động lực thúc đẩy quá trình đầu tư đổi mới trang thiết bị nâng cao chất lượng các sản phẩm hàng hóa.

Làm cơ sở phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý phát triển ngành công nghiệp của tỉnh Tiền Giang trong các giai đoạn tới.

6. Nội dung chủ yếu điều chỉnh quy hoạch

Cập nhật hệ thống số liệu đến năm 2014 và một số chỉ tiêu cần dự báo đến năm 2015 để phân tích, đánh giá một cách đầy đủ, chính xác thực trạng phát triển và các tiềm năng, lợi thế của Tiền Giang trong việc phát triển công nghiệp. Việc phân tích sâu và đánh giá ở thời kỳ đến năm 2015 là căn cứ quan trọng, sát thực tế để điều chỉnh hệ thống chỉ tiêu và định hướng cho giai đoạn quy hoạch đến năm

2020, định hướng đến năm 2030; mặt khác, tìm ra những khó khăn, hạn chế, thách thức cần chỉnh sửa và khắc phục trong thời kỳ quy hoạch.

Nghiên cứu, bổ sung một số yếu tố mới có tác động và ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp, cũng như kinh tế - xã hội toàn tỉnh trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Điều chỉnh các quan điểm phát triển, đồng thời bổ sung các định hướng mới về phát triển ngành công nghiệp, chú trọng đến việc phát triển công nghiệp phải gắn với công tác bảo vệ môi trường, về tổ chức không gian các vùng, các tuyến kết nối trong nội bộ tỉnh và giao lưu với các địa phương xung quanh và các vùng lân cận khác trong cả nước.

Điều chỉnh các mục tiêu và dự báo lại tốc độ tăng trưởng, cơ cấu ngành công nghiệp trong giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2030.

Xây dựng và lựa chọn ngành, sản phẩm công nghiệp trọng điểm của tỉnh trong các giai đoạn phát triển.

Xây dựng các phương án phát triển công nghiệp, trên cơ sở đó lựa chọn phương án phát triển phù hợp.

Bổ sung các đề xuất các cơ chế, giải pháp phù hợp, đồng bộ về vốn đầu tư, khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực,... nhằm phát triển nhanh và bền vững, trên cơ sở dựa vào các nguồn lực và động lực phát triển trong các giai đoạn tới.

Bổ sung những kiến nghị với Chính phủ, Bộ ngành liên quan tạo điều kiện để Tiền Giang thực hiện tốt “Điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” một cách thiết thực và hiệu quả.

ĐỀ CƯƠNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

PHẦN MỞ ĐẦU:

PHẦN I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH TIỀN GIANG GIAI ĐOẠN 2011-2015:

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN

1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên
2. Dân số và lao động
3. Tiềm năng đất, rừng
4. Tiềm năng khoáng sản
5. Tài nguyên nước

6. Điều kiện môi trường

II. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH TỈNH TIỀN GIANG GIAI ĐOẠN 2011-2015

1. Tổng VA (GDP) và diễn biến tăng trưởng kinh tế.
2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
3. Tình hình thu chi ngân sách, đầu tư trên địa bàn.
4. Hiện trạng cơ sở hạ tầng.
5. Vị trí kinh tế của tỉnh Tiền Giang trong vùng kinh tế

PHẦN II. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2011-2015:

I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

1. Hiện trạng chung ngành công nghiệp

(Số lượng cơ sở công nghiệp; quy mô; lao động công nghiệp; năng suất lao động; tốc độ tăng giá trị sản xuất; giá trị và cơ cấu ngành công nghiệp; tốc độ tăng trưởng GRDP công nghiệp; tổng vốn đầu tư; đánh giá trình độ sản xuất...)

2. Hiện trạng ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh
3. Hiện trạng công nghiệp theo vùng, lãnh thổ
4. Hiện trạng đầu tư và phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp
5. Hiện trạng phát triển TTCN và làng nghề
6. Công nghiệp tỉnh Tiền Giang trong Vùng kinh tế

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2015

III. ĐÁNH GIÁ VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG GIAI ĐOẠN 2011-2015

1. Các thành tựu kinh tế.
2. Thuận lợi
3. Một số khó khăn, thách thức.

PHẦN III. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030:

I. TÁC ĐỘNG BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC

II. TÁC ĐỘNG TỪ KINH TẾ TRONG NƯỚC

1. Định hướng phát triển KT-XH và công nghiệp cả nước đến năm 2020
2. Quan điểm và định hướng phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh Tiền Giang
3. Tác động của Vùng kinh tế
4. Các điều kiện hạ tầng kỹ thuật

III. NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG

PHẦN IV. ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. ĐIỀU CHỈNH QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển công nghiệp
2. Định hướng phát triển công nghiệp
3. Xây dựng phương án phát triển và lựa chọn phương án
4. Mục tiêu phát triển công nghiệp
5. Dự báo giá trị sản xuất và cơ cấu các ngành công nghiệp
6. Nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp
7. Nhu cầu lao động công nghiệp
8. Danh mục dự án đầu tư chủ yếu

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CN THEO VÙNG, LÃNH THỔ

III. ĐIỀU CHỈNH VÀ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU

1. Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản
2. Công nghiệp chế biến nông, thủy sản, thực phẩm
3. Công nghiệp chế biến gỗ, giấy
4. Công nghiệp sản xuất VLXD
5. Công nghiệp Dệt may-Da giày
6. Công nghiệp Hóa chất, Cao su, Nhựa
7. Công nghiệp Cơ khí, chế tạo và SXKL
8. Công nghiệp SX và PP điện, nước

IV. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

V. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN TTCN VÀ NGÀNH NGHỀ NT

PHẦN V. GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về thu hút đầu tư
2. Giải pháp về nguồn nhân lực
3. Giải pháp về phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở
4. Giải pháp về khoa học công nghệ
5. Giải pháp bảo vệ môi trường
6. Giải pháp về tổ chức quản lý

II. CÁC CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

1. Chính sách huy động vốn
2. Chính sách đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực
3. Chính sách thị trường
4. Chính sách khoa học công nghệ
5. Chính sách đầu tư
6. Chính sách bảo vệ môi trường

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Kết luận.
- Kiến nghị

7. Hồ sơ sản phẩm của dự án quy hoạch:

- Báo cáo tổng hợp và hệ thống bảng, biểu liên quan.
- Báo cáo tóm tắt
- Các loại bản đồ hiện trạng và qui hoạch theo qui định
- Các đĩa CD ROM, USB dữ liệu.

8. Tiến độ, trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện
1	Lập đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí	Tháng 8-9/2015	Sở Công Thương
2	Thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí	Tháng 9-10/2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Trình phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí	Tháng 10/2015	Sở Công Thương
4	Đề nghị bố trí kinh phí thực hiện	Tháng 11-12/2015	Sở Công Thương
5	Lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu		
6	Lựa chọn đơn vị tư vấn		
7	Thực hiện điều chỉnh quy hoạch	Tháng 1-6/2016	Đơn vị tư vấn
8	Lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương	Tháng 07/2016	Sở Công Thương TG

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện
9	Lấy ý kiến của Bộ Công Thương	Tháng 07/2016	Bộ Công Thương
10	Lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 07/2016	Sở Kế hoạch và Đầu tư
11	Thẩm định báo cáo tổng hợp điều chỉnh quy hoạch	Tháng 8-9/2016	Sở Kế hoạch và Đầu tư
12	Trình phê duyệt báo cáo tổng hợp điều chỉnh quy hoạch	Tháng 10/2016	Sở Công Thương TG

B. DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

Chi phí điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được tính như sau:

$$G_{QHN} = G_{\text{chuẩn}} \times H_1 \times H_2 \times H_3 \times Q_n \times K$$

Trong đó:

- G_{QHN} là tổng mức chi phí cho dự án Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020.

- $G_{\text{chuẩn}} = 850$ (triệu đồng), là mức chi phí cho dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn chuẩn.

- H_1 là hệ số cấp độ địa bàn quy hoạch được xác định tại Phụ lục I (kèm theo Thông tư 01/2012/TT-BKHĐT)

Đối với tỉnh Tiền Giang, $H_1 = 1$.

- H_2 là hệ số đánh giá về điều kiện làm việc và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn quy hoạch được xác định tại Phụ lục II (kèm theo Thông tư 01/2012/TT-BKHĐT).

Đối với tỉnh Tiền Giang, $H_2 = 2$.

- H_3 là hệ số về quy mô diện tích tự nhiên của địa bàn quy hoạch được xác định tại Phụ lục III.

Đối với tỉnh Tiền Giang có diện tích tự nhiên bằng khoảng $2.508,3 \text{ km}^2$, $H_3 = 1,1$.

- Q_n là hệ số khác biệt giữa quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu được xác định tại Phụ lục VII (kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT).

+ Hệ số khác biệt công nghiệp là 0,31.

- K là hệ số điều chỉnh lương tối thiểu và mặt bằng giá tiêu dùng. Tại thời điểm ban hành Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/2/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì $K=1$. Do đến thời điểm này đã có sự điều chỉnh mức lương tối thiểu của Nhà nước và mặt bằng giá tiêu dùng nên K được xác định theo: $K = K1 + K2$

+ $K1 = 0,3 \times$ chỉ số giá tiêu dùng được công bố tại thời điểm tính toán

Thông tư 01/2012/TT-BKHĐT có hiệu lực từ tháng 4/2012, do đó chỉ số giá tiêu dùng được lấy từ tháng 5/2012 - tháng 7/2015, như vậy chỉ số giá tiêu dùng được xác định lại là 1,1412

$$K1 = 0,3 \times 1,1412 = 0,3423$$

+ $K2 = 0,7 \times$ Hệ số điều chỉnh lương tối thiểu

Hệ số điều chỉnh lương tối thiểu = Mức lương tối thiểu khi Nhà nước thay đổi tại thời điểm tính toán chia cho 830.000 đồng/tháng. Hệ số điều chỉnh lương tối thiểu từ tháng 7/2013 = $1.150.000/830.000 = 1,3855$.

$$K2 = 0,7 \times 1,3855 = 0,9699$$

$$K = K1 + K2 = 0,3423 + 0,9699 = 1,3122$$

Như vậy, kinh phí Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 là:

$$G_{QHN} = G_{chuẩn} \times H_1 \times H_2 \times H_3 \times Q_n \times K$$

$$G_{QHN} = 850 \text{ triệu đồng} \times 1 \times 2 \times 1,1 \times 0,31 \times 1,3122$$

$$G_{QHN} = 760.682.000 \text{ đồng}$$

Chi phí điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 bằng 65% Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp lập mới theo khoản 1, Điều 8 của Thông tư 01/2012/TT-BKHĐT (vi Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đã được phê duyệt năm 2009, đến năm 2015 đã thực hiện được 6 năm)

$$G_{QHND} = G_{QHN} \times 65\% = 760.682.000 \text{ đồng} \times 65\% = 494.443.000 \text{ đồng}$$

- Trong dự toán chi phí Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 nói trên, khoản mục chi phí khác (bao gồm chi phí quản lý dự án, chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ và dự toán, chi phí thẩm định quy hoạch và chi phí công bố quy hoạch) chiếm 13,5% dự toán là không đưa vào tính thuế giá trị tăng thêm (VAT):

$$494.443.000 \text{ đồng} \times 13,5\% = 66.750.000 \text{ đồng}$$

- Thuế VAT:

$$(494.443.000 \text{ đ} - 66.750.000 \text{ đ}) \times 10\% = 42.769.000 \text{ đồng}$$

- Chi phí Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 đã bao gồm thuế VAT:

$$494.443.000 \text{ đồng} + 42.769.000 \text{ đồng} = 537.212.000 \text{ đồng}$$

**ĐỊNH MỨC CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ
CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

TT	Khoản mục chi phí	Mức chi phí tối đa (%)	Số tiền (1.000 đồng)
A	Tổng kinh phí ở mức tối đa (I+II+III)	100	494.443
I	Chi phí xây dựng nhiệm vụ và dự toán	2,5	12.361
1	Chi phí xây dựng đề cương, nhiệm vụ	1,5	7.417
2	Chi phí lập dự toán theo đề cương, nhiệm vụ	1	4.944
II	Chi phí xây dựng quy hoạch	84	415.332
1	Chi phí thu thập, xử lý số liệu, dữ liệu ban đầu	7	34.611
2	Chi phí thu thập bổ sung về số liệu, tư liệu theo yêu cầu quy hoạch	4	19.778
3	Chi phí khảo sát thực địa	20	98.889
4	Chi phí thiết kế quy hoạch	53	262.054
4.1	Phân tích đánh giá vai trò vị trí của ngành	1	4.944
4.2	Phân tích, dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển ngành của khu vực, của cả nước tác động tới phát triển ngành của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch	3	14.833
4.3	Phân tích đánh giá hiện trạng phát triển ngành tỉnh	4	19.778
4.4	Nghiên cứu mục tiêu và quan điểm phát triển ngành tỉnh	3	14.833
4.5	Nghiên cứu, đề xuất các phương án phát triển	6	29.667
4.6	Nghiên cứu các giải pháp thực hiện mục tiêu	20	98.888
	a) Luận chứng các phương án phát triển	5	24.722
	b) Xây dựng phương án phát triển, đào tạo nguồn nhân lực	1	4.944
	c) Xây dựng các phương án và giải pháp phát triển khoa học công nghệ	1	4.944
	d) Xây dựng phương án, giải pháp bảo vệ môi trường	1,5	7.417

TT	Khoản mục chi phí	Mức chi phí tối đa (%)	Số tiền (1.000 đồng)
	đ) Xây dựng các phương án tính toán nhu cầu và đảm bảo vốn đầu tư	4	19.778
	e) Xây dựng các chương trình dự án đầu tư trọng điểm	1,5	7.417
	g) Xây dựng phương án tổ chức lãnh thổ	3	14.833
	h) Xác định các giải pháp về cơ chế, chính sách và đề xuất các phương án thực hiện	3	14.833
4.7.	Xây dựng báo cáo tổng hợp và các báo cáo liên quan	8	39.556
	a) Xây dựng báo cáo đề dẫn	1	4.944
	b) Xây dựng báo cáo tổng hợp	6	29.667
	c) Xây dựng các báo cáo tóm tắt	0,6	2.967
	d) Xây dựng văn bản trình thẩm định	0,2	989
	đ) Xây dựng văn bản trình phê duyệt quy hoạch	0,2	989
4.8	Xây dựng hệ thống bản đồ quy hoạch	8	39.555
III	Chi phí khác	13,5	66.750
1	Chi phí quản lý dự án	4	19.778
2	Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ và dự toán	1,5	7.417
3	Chi phí thẩm định quy hoạch	4,5	22.250
4	Chi phí công bố quy hoạch	3,5	17.305
B	Thuế giá trị gia tăng (I +II) x10%		42.769
	Tổng cộng (A+B)		537.212

**CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG KÌ
TỪ THÁNG 5/2012 ĐẾN THÁNG 7/2015**

Tháng/Năm	Chỉ số giá tiêu dùng so với tháng trước
2012	
Tháng 5	1,0018
Tháng 6	0,9974
Tháng 7	0,9971
Tháng 8	1,0063
Tháng 9	1,0220
Tháng 10	1,0085
Tháng 11	1,0042
Tháng 12	1,0027
2013	
Tháng 1	1,0125
Tháng 2	1,0132
Tháng 3	0,9981
Tháng 4	1,0002
Tháng 5	0,9994
Tháng 6	1,0005
Tháng 7	1,0027
Tháng 8	1,0083
Tháng 9	1,0106
Tháng 10	1,0049
Tháng 11	1,0034
Tháng 12	1,0051
2014	
Tháng 1	1,0069
Tháng 2	1,0055
Tháng 3	1,0044
Tháng 4	1,0008
Tháng 5	1,0020
Tháng 6	1,0030
Tháng 7	1,0023
Tháng 8	1,0022

Tháng/Năm	Chỉ số giá tiêu dùng so với tháng trước
Tháng 9	1,0040
Tháng 10	1,0011
Tháng 11	0,9973
Tháng 12	0,9976
Năm 2015	
Tháng 1	0,9980
Tháng 2	0,9995
Tháng 3	1,0015
Tháng 4	1,0014
Tháng 5	1,0016
Tháng 6	1,0035
Tháng 7	1,0013
Chỉ số giá tiêu dùng K1 từ T5/2012 - T7/2015	1,1412

(Chỉ số giá tiêu dùng cả nước - nguồn Tổng Cục Thống kê)